

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HSST
Ngày: 30/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xôm**

- Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Trần Thị Huyền.**

2. Ông: **Khoàng Văn Hặc.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2019/HSST, ngày 07 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Điêu Chính T** – Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/4/1993 tại huyện M, tỉnh Đ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm ruộng, nương; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Điêu Chính T – Sinh năm: 1974; con bà: Lò Thị Q - Sinh năm 1976; Vợ: Lò Thị N - Sinh năm 1997 (Đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Trước ngày 01/3/2019 khi chưa bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo chưa có vi phạm gì. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/3/2019 sau đó tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lò Thị B – Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt).

- Người làm chứng: Cháu Lò Thị H – Sinh năm: 2008 (vắng mặt).

Người giám hộ cho cháu Lò Thị H, ông: Lò Văn C – Sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị: Lò Thị Ngọc H – Sinh năm: 1999. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ (Có mặt).

+ Anh: Nguyễn Bá H – Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Đội 03, xã M, huyện T,

tỉnh Đ (vắng mặt).

- Luật sư Phùng Việt H - Văn phòng luật sư Phùng Việt H thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ, được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ cử bào chữa cho bị cáo (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h30 ngày 23/02/2019, Điều Chính T đi bộ qua nhà bà Lò Thị B ở cùng bản với T, thấy cửa khóa, không có ai ở nhà, T đứng dưới đường nhìn lên mái nhà thấy một lỗ hổng có thể vào nhà được nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T trèo lên cây cột treo băng zôn khẩu hiệu phía bên trái ngôi nhà bà B rồi leo lên trên mái nhà, chui qua lỗ hổng chỗ tấm ván gỗ chắn đầu hồi trên nóc nhà và chui vào trong nhà. Khi vào đến bên trong T thấy phía trên kết sắt kê ở đầu giường ngủ đối diện với gian để hàng hóa có 01 hòm tôn không khóa, T mở hòm tôn phát hiện có 01 sợi dây chuyền vàng đã bị đứt đoạn trọng lượng 1,5 chỉ cùng 01 chiếc nhẫn vàng có hình trái tim có trọng lượng 0,5 chỉ nên T đã lấy. Khi lấy được tài sản, T đi ra hướng cửa phụ gần bếp mở cửa đi ra ngoài hành lang của nhà rồi đi xuống gầm sàn sau đó trèo qua lưới B40 giáp với nhà ông Lò Văn C để ra ngoài. Sau đó T đi nhờ xe máy của người đàn ông đi qua đường rồi mang số vàng đã trộm được đến cửa hàng của Nguyễn Bá H ở xã M, huyện T bán được 6.800.000 đồng, T mua lại của anh H 01 dây chuyền bạc và 01 lắc tay bạc trị giá 3.650.000 đồng, còn lại 3.150.000 đồng T đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Khoảng 2 đến 3 ngày sau T tiếp tục bán sợi dây chuyền và chiếc lắc tay bằng bạc cho một người đàn ông được 2.000.000 đồng, số tiền đã mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết. Ngày 27/02/2019, T được triệu tập đến để làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG ngày 04/3/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận:

Tổng trị giá tài sản bị cáo Điều Chính T đã chiếm đoạt: 02 chỉ vàng gồm một sợi dây chuyền vàng 1,5 chỉ và một nhẫn vàng 0,5 chỉ trị giá 7.260.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số: 19/CT-VKS-MC ngày 06/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố bị cáo Điều Chính T về tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, theo quy định của pháp luật hiện hành, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Điều Chính T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS; Xử phạt bị cáo Điều Chính T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS.

- Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, tương đương với số tiền 7.260.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS; bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị được miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo; về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Sau khi nghe lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến bổ sung gì lời bào chữa của luật sư và cũng không tranh luận gì đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức việc làm của mình là sai và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong hồ sơ còn thể hiện:

Đối với Nguyễn Bá H là người đã mua số vàng mà bị cáo T mang đến bán, nhưng H không biết nguồn gốc số vàng đó có được là tài sản do phạm tội mà có, nên không đặt vấn đề xử lý đối với H. Chiếc nhẫn và sợi dây chuyền sau khi H mua đã mang đi chế tác và bán lại cho khách nên không truy thu được.

Đối với người đàn ông đã mua lại sợi dây chuyền và chiếc lắc tay bằng bạc mà bị cáo đã bán, do bị cáo không biết họ tên và địa chỉ của người này nên không đủ cơ sở để điều tra làm rõ và truy thu lại tài sản.

Đối với người đàn ông mà bị cáo đã đi nhờ xe từ xã N, huyện M đến huyện T để bán vàng, do bị cáo không biết họ tên và địa chỉ của người này nên không đủ cơ sở để làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều Tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, từ

lúc khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, người bào chữa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua tranh tụng và xét hỏi công khai tại phiên tòa bị cáo Điều Chính T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân huyện M đã truy tố cụ, thể:

Ngày 23/02/2019, tại gia đình chị Lò Thị B ở bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ, Điều Chính T đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 02 chỉ vàng gồm một sợi dây chuyền vàng 1,5 chỉ và một nhẫn vàng 0,5 chỉ trị giá 7.260.000 đồng của bà Lò Thị B để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài mà không phải mất công sức lao động, bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện, lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của bà Lò Thị B, có tổng giá trị là 7.260.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bị cáo Điều Chính T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Với hành vi và trị giá tài sản chiếm đoạt nêu trên của bị cáo Điều Chính T đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố bị cáo Điều Chính T về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đề nghị HĐXX xem xét cân nhắc và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS, tình tiết này là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa nên được chấp nhận. Luật sư đề nghị cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và cho bị cáo được hưởng với mức thấp nhất của Kiểm sát viên đề nghị. Lời đề nghị của luật sư HĐXX xem xét và áp dụng cho phù hợp với tính chất của vụ án.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Đ, được bố mẹ nuôi cho ăn học hết 11/12 phổ thông. Do bản chất lười lao động thích ăn chơi đua đòi để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã trộm cắp chiếm đoạt tài sản của người khác. Từ năm 12 tuổi đến nay sinh sống, làm việc tại bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ. Ngày 07/3/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố và tạm giam về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[5]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ thời gian cải tạo giáo dục bản thân trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có như vậy mới có tính răn đe, phòng ngừa chung có ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt là phù hợp.

[6]. Xét về bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trái phép, tương đương với số tiền 7.260.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7]. Đối với Nguyễn Bá H là người đã mua số vàng mà bị cáo T mang đến bán, nhưng H không biết nguồn gốc số vàng đó có được là tài sản do phạm tội mà có, nên không đặt vấn đề xử lý đối với H. Chiếc nhẫn và sợi dây chuyền sau khi H mua đã mang đi chế tác và bán lại cho khách nên không truy thu được. Đối với người đàn ông đã mua lại sợi dây chuyền và chiếc lắc tay bằng bạc mà bị cáo đã bán, do bị cáo không biết họ tên và địa chỉ của người này nên không đủ cơ sở để điều tra làm rõ và truy thu lại tài sản. Đối với người đàn ông mà bị cáo đã đi nhờ xe từ xã N, huyện M đến huyện T để bán vàng, do bị cáo không biết họ tên và địa chỉ của người này nên không đủ cơ sở để làm rõ Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, kinh tế khó khăn nên HĐXX miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS.

[9]. Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Điều Chính T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51/Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Điều Chính T 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 01/3/2019.

Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trái phép, tương đương với số tiền 7.260.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho bị hại bà Lò Thị B, sinh năm 1977, trú tại bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền 7.260.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho người được thi hành án thì bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo lãi suất phát sinh phát sinh do chậm trả được tính theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án hình sự cho bị cáo.

* Áp dụng Điều 331 và 333/BLTTHS, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2019). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án những phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2019). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án những phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Phòng. PC10 CA tỉnh Đ;
- P. 07 VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M;
- UBND xã N thay cho thông báo;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Trợ giúp viên PL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Văn Xôm